

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HÀNH VI BẠO LỰC CỦA HỌC SINH

Nguyễn Thị Phương Thảo⁽¹⁾, Cao Hào Thi⁽²⁾

(1) Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

(2) Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: *Bạo lực học đường đang là một trong những vấn đề đang gây bức xúc dư luận hiện nay. Đây là một vấn đề không mới nhưng hiện nay các nhà quản lý giáo dục vẫn đang cố gắng tìm giải pháp hiệu quả để ngăn chặn tình trạng này. Mục tiêu của nghiên cứu là xác định và đánh giá các yếu tố tác động đến hành vi bạo lực của học sinh. Kết quả phân tích nhân tố và hồi quy đa biến cho mẫu gồm 340 học sinh từ lớp 8 đến lớp 12 của 8 trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) cho thấy có 7 nhân tố tác động đến hành vi bạo lực của học sinh theo mức độ từ cao đến thấp bao gồm Chứng kiến bạo lực, Sự kém tuân thủ quy định ở trường, Mối quan hệ với bạn bè có vấn đề, Nạn nhân của bạo lực, Ấn tượng về trường học, Thái độ đối với bạo lực, và Tình nóng nảy. Ngoài ra có sự khác biệt về hành vi bạo lực giữa học sinh nam và học sinh nữ, học sinh chơi và không chơi trò chơi trực tuyến có yếu tố bạo lực. Trình độ giáo dục cũng là một trong những yếu tố xác định mức độ sử dụng bạo lực của học sinh. Theo đó, giới tính nam, học sinh chơi trò chơi trực tuyến và trình độ giáo dục thấp sẽ có hành vi bạo lực cao hơn. Từ kết quả nghiên cứu này, một số kiến nghị được đưa ra nhằm giúp cho nhà trường, gia đình và các tổ chức giáo dục có những biện pháp thiết thực hơn nhằm ngăn chặn hoặc hạn chế hành vi bạo lực của học sinh.*

Từ khóa: *yếu tố, hành vi bạo lực của học sinh, Việt Nam.*

GIỚI THIỆU

Bạo lực học đường là một vấn đề không mới và rất được quan tâm ở hầu hết các nước trên thế giới. Ở Việt Nam, hiện nay dư luận xã hội đang lo ngại về sự đa dạng và mức độ nghiêm trọng của hành vi này. Theo báo cáo từ “Hội thảo giải pháp phòng ngừa từ xa và ngăn chặn tình trạng học sinh đánh nhau” do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, trong năm học 2009 - 2010 trên toàn quốc đã xảy ra 1598 vụ việc học sinh đánh nhau. Các trường đã cảnh cáo 1558 học sinh, buộc thôi học 735 học sinh và đã có 7 vụ việc học sinh đánh nhau dẫn đến chết người [9]. Mối lo ngại về hiện tượng bạo lực học

đường ngày càng được quan tâm hơn trong bối cảnh hiện nay, khi có quá nhiều hiện tượng diễn ra hàng ngày mà báo giới gọi là “bệnh vô cảm” khiến cho sự bất bình trong xã hội ngày càng tăng lên, vì căn bệnh này còn lan rộng sang cả giới học sinh - lứa tuổi đang dần hoàn thiện nhân cách.

Hành vi bạo lực mà cụ thể là bạo lực học đường gây ra những hệ lụy không nhỏ đối với giới học sinh, gia đình, nhà trường, và toàn xã hội. Đối với học sinh có những hành vi bạo lực, nếu không được phát hiện kịp thời và giáo dục đúng cách có thể sẽ trở thành mầm mống tội phạm trong tương lai. Đối với những học sinh

là nạn nhân hay từng chứng kiến bạo lực cũng đều có thể dẫn đến các triệu chứng tổn thương tâm lý, trầm cảm, cô đơn, học hành sa sút, cáu gắt, và có thể bùng phát dưới nhiều hình thức [7]. Tổn thương tâm lý nếu không được quan tâm thấu hiểu kịp thời và được sự giúp đỡ, đặc biệt là đối với trẻ vị thành niên có thể khiến trẻ có những hành vi có nguy cơ như gây gổ, đánh nhau; nếu trầm cảm có thể dẫn đến tự tử.

Với những vấn đề nêu trên, mục tiêu của nghiên cứu nhằm trả lời cho câu hỏi yếu tố nào tác động đến hành vi bạo lực của học sinh và mức độ tác động như thế nào, để từ đó có những khuyến nghị nhằm ngăn chặn hoặc hạn chế tình trạng bạo lực học đường hiện nay.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT, CÁC GIẢ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Định nghĩa về bạo lực học đường

Có nhiều định nghĩa liên quan đến bạo lực và bạo lực học đường. Tùy vào mục đích của các nhà nghiên cứu cũng như đặc trưng văn hóa của mỗi nước mà mỗi nghiên cứu có những định nghĩa riêng về bạo lực học đường. Theo Trung tâm kiểm soát và ngăn ngừa dịch bệnh Hoa Kỳ [5], “bạo lực là việc cố ý sử dụng vũ lực hoặc quyền lực nhằm chống lại người khác bằng những hành vi có khả năng gây thiệt hại về thể chất hoặc tâm lý”. Nghiên cứu này sẽ sử dụng định nghĩa bạo lực học đường của Chen [6, tr. 18], nhưng không phân biệt hành vi bạo lực diễn ra bên trong hay bên ngoài trường học. Theo đó, bạo lực học đường (hay hành vi bạo lực của học sinh) là hành vi của học sinh gây tổn hại về mặt thể chất hoặc tinh thần cho các học sinh khác hoặc gây thiệt hại về tài sản cá

nhân của học sinh và tài sản của nhà trường. Nó bao gồm bạo lực cả về mặt thể chất và lời nói, các hành vi đe dọa, và các hành vi gây thiệt hại về tài sản.

Cơ sở lý thuyết

Có nhiều nhân tố nguy cơ tác động đến hành vi bạo lực của học sinh, chủ yếu được tổng quát thành 5 nhóm bao gồm đặc điểm cá nhân, các nhân tố liên quan đến gia đình, trường học, mối quan hệ với bạn bè và các nhân tố liên quan đến cộng đồng và hàng xóm. Chen [6] đã chỉ ra rằng tình trạng bạo lực ở học sinh liên quan đến đặc điểm tiêu cực của cá nhân (thái độ đối với bạo lực, kiểm soát tính bốc đồng, tính hung hăng), sự giám sát của cha mẹ, sự kém tuân thủ quy định ở trường học, sự ngược đãi (chứng kiến bạo lực, nạn nhân của bạo lực), mối quan hệ tồi giữa giáo viên và học sinh và các nguy cơ đến từ bạn bè. Ngoài ra đặc điểm về giới tính, loại trường học, trình độ học vấn cũng ảnh hưởng đến hành vi bạo lực của học sinh.

Ando và các đồng tác giả [3] nghiên cứu những ảnh hưởng tâm lý học lên các hành vi bắt nạt của học sinh cho thấy, sự ngược đãi, tính bốc đồng, tính hung hăng, sự tự tin của bản thân chống lại sự bắt nạt, suy nghĩ chín chắn, thái độ đối với hành vi bắt nạt có tác động đến hành vi bắt nạt của học sinh. Các nhân tố này càng ảnh hưởng mạnh hơn đến hành vi bắt nạt bởi các yếu tố trung gian là số bạn bè thường có những hành vi bắt nạt và thái độ tiêu cực ở trường học.

Nghiên cứu của Singer và các đồng tác giả [13] ủng hộ quan điểm cho rằng dựa vào đặc điểm cá nhân và tình trạng giáo dục của học

sinh, đặc điểm về gia đình, thói quen xem ti vi, thói quen sử dụng máy tính, và việc tiếp xúc với bạo lực trong quá khứ sẽ dự báo được hành vi bạo lực của học sinh trong tương lai.

Ngoài ra, các yếu tố khác cũng có tác động đến hành vi bạo lực của học sinh là: các sự kiện tiêu cực trong quá khứ của học sinh, mối quan hệ tồi với bạn bè [10], mức độ thường xuyên chơi trò chơi trực tuyến bạo lực [1,2], thái độ của cha mẹ đối với hành vi bạo lực [12], ấn tượng về trường học [3], và sự ủng hộ của cha mẹ [1,8].

Các giả thuyết nghiên cứu

Hành vi bạo lực theo thang đo của Chen [6] gồm có hành vi đánh học sinh khác, dùng các vật dụng nguy hiểm để làm hại học sinh khác, cố ý làm hư hỏng tài sản, đe dọa bằng lời nói, chửi rủa hoặc sỉ nhục học sinh khác, cố ý quấy rầy, khiêu khích, và chế nhạo học sinh khác.

Thái độ đối với bạo lực

Các đặc điểm tiêu cực của cá nhân có ảnh hưởng rất lớn đến hành vi bạo lực của học sinh [1,3,6]. Tùy vào suy nghĩ và thái độ của học sinh về hành vi bạo lực mà có thể ảnh hưởng đến cách hành xử của họ. Nếu quan niệm của học sinh cho rằng bạo lực là điều bình thường, có thể chấp nhận được thì khả năng học sinh đó sẽ sử dụng bạo lực để giải quyết vấn đề khi gặp phải.

Giả thuyết H1: Học sinh càng có thái độ chấp nhận đối với những hành vi bạo lực thì mức độ sử dụng bạo lực càng cao.

Khả năng kiểm soát tính bốc đồng

Những học sinh không thể kiểm soát được tính bốc đồng thường sử dụng hành vi bạo lực để giải quyết vấn đề. Những người không thể kiểm chế được cơn giận dữ của mình khi bị người khác có những hành vi tác động đến bản thân thường giải quyết vấn đề bằng cách sử dụng bạo lực [6].

Giả thuyết H2: Học sinh có mức độ kiểm soát tính bốc đồng càng thấp thì mức độ sử dụng bạo lực càng cao.

Tính nóng nảy

Những người có tính khí nóng nảy thường rất dễ nổi cáu, rất dễ bị kích động, không kiềm chế được sự giận dữ và thường chửi thề khi giận dữ [6]. Vì vậy, khi gặp vấn đề thường tỏ ra hung hăng và có nguy cơ sử dụng bạo lực để giải quyết vấn đề.

Giả thuyết H3: Học sinh càng có tính khí nóng nảy thì mức độ sử dụng bạo lực càng cao.

Sự giám sát của cha mẹ

Sự quan tâm, giám sát của cha mẹ đóng một vai trò rất quan trọng nhằm kiểm soát những hành động có nguy cơ cao của trẻ em. Việc thiếu sự giám sát của cha mẹ có mối tương quan thuận với hành vi gây hấn của trẻ em [12,14].

Giả thuyết H4: Sự giám sát của cha mẹ càng chặt chẽ thì mức độ sử dụng bạo lực của học sinh càng thấp.

Sự kém tuân thủ quy định ở trường

Việc hiếm khi làm bài tập về nhà, thường ngủ trong lớp hoặc cúp tiết, thường quên mang sách vở hoặc đồ dùng học tập đến lớp, hoặc mang vật bị cấm đến trường cho thấy thái độ

kém tuân thủ việc học tập của học sinh [6]. Điều này cho thấy có những hành vi có vấn đề của học sinh hiện diện trong lớp học và trong nhà trường. Hơn thế, việc trốn học cúp tiết có thể do học sinh có những mối quan tâm khác bên ngoài nhà trường, và việc tiếp xúc với bên ngoài cũng ảnh hưởng, hay tạo điều kiện để hành vi bạo lực xảy ra.

Giả thuyết H5: Sự kém tuân thủ quy định ở trường học của học sinh càng cao thì mức độ sử dụng bạo lực của học sinh càng cao.

Ấn tượng về trường học

Đối với phần lớn học sinh ở Việt Nam, thời gian học sinh ở trường chiếm rất nhiều thời gian (2 buổi/ngày) [4]. Vì thế môi trường trong trường học là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tâm lý của học sinh, từ đó ảnh hưởng đến cách hành xử của học sinh khi gặp phải vấn đề. Khi học sinh thấy tự hào về trường học của mình, thầy cô, bạn bè đối xử tốt với nhau sẽ tạo ra một môi trường tốt hạn chế các hành vi bạo lực có thể xảy ra [3].

Giả thuyết H6: Học sinh càng có ấn tượng tốt về trường học của mình thì mức độ sử dụng bạo lực càng ít hơn.

Mối quan hệ với bạn bè có vấn đề

Các mối quan hệ bạn bè của học sinh có ảnh hưởng rất lớn đến hành vi bạo lực của học sinh. Việc tiếp xúc với những bạn bè có nguy cơ cao, hay việc đi qua đêm với bạn bè, và mức độ thân thiết với những bạn bè có nguy cơ cao có thể tác động tiêu cực đến hành vi bạo lực của học sinh [1,6].

Giả thuyết H7: Học sinh có mức độ liên quan đến những bạn bè có vấn đề càng cao thì mức độ sử dụng bạo lực càng nhiều.

Nạn nhân của bạo lực

Lứa tuổi vị thành niên thường có nguy cơ tổn thương tâm lý cao và việc tiếp xúc với bạo lực học đường có thể ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần và hành vi của trẻ em [7,14]. Học sinh là nạn nhân của bạo lực có nguy cơ sử dụng bạo lực để đáp trả. Hơn nữa, trở thành nạn nhân của bạo lực học sinh có thể bị tổn thương tâm lý dẫn đến trầm cảm, tự ti, cô đơn, có thể dễ bị kích động và có thái độ hung hăng khi gặp phải vấn đề.

Giả thuyết H8: Học sinh là nạn nhân của các hành vi bạo lực trước đó có mức độ sử dụng bạo lực cao hơn bình thường.

Chứng kiến bạo lực

Môi trường xã hội xung quanh rất quan trọng cho việc hình thành nhân cách của vị thành niên. Cổ nhân có câu “Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng”. Việc chứng kiến bạo lực ngày càng nhiều có nhiều tác động đến trẻ em. Nó có thể khiến trẻ em nghĩ rằng bạo lực đã trở nên bình thường đối với tất cả mọi người, và mọi người sử dụng bạo lực hàng ngày, do đó bạo lực cũng là một cách thông dụng để giải quyết vấn đề [13].

Giả thuyết H9: Việc chứng kiến hành vi bạo lực càng nhiều thì mức độ sử dụng bạo lực càng cao.

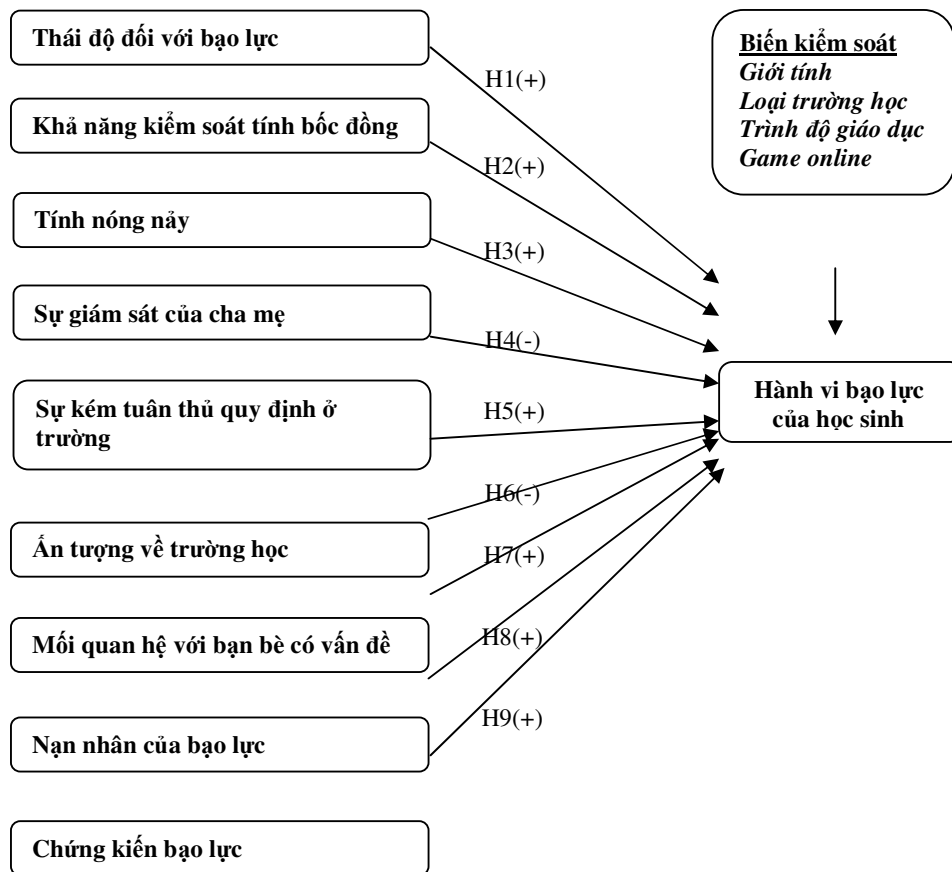
Biến kiểm soát

Các biến thuộc tính như Giới tính, Loại trường, Trình độ giáo dục là các biến đặc trưng của cá nhân kỳ vọng có ảnh hưởng đến hành vi

bạo lực của học sinh [6]. Đồng thời, nghiên cứu của Anderson [2] đã chỉ ra rằng học sinh thường xuyên chơi trò chơi điện tử trực tuyến hoặc xem ti vi có yếu tố bạo lực (Game online) sẽ có hành vi bạo lực nhiều hơn bình thường, do đó biến Game online cũng được kỳ vọng có tác động đến hành vi bạo lực của học sinh.

Mô hình nghiên cứu

Dựa trên cơ sở lý thuyết và các giả thuyết, mô hình nghiên cứu đề xuất được thể hiện trong Hình 1.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thang đo: Thang đo sử dụng trong nghiên cứu chủ yếu dựa vào thang đo của Chen (2008) [6] và Ando (2005) [3]. Thang đo Hành vi bạo lực và thang đo của các nhóm

yếu tố tác động đều là thang đo Likert 5 điểm với (1) rất không đồng ý và (5) rất đồng ý. Các biến kiểm soát như: Game online, Giới tính, Loại trường sử dụng thang đo chỉ danh. Biến Trình độ giáo dục sử dụng thang đo tỉ lệ.

Các thang đo này được điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm trường học ở Việt Nam thông qua ý kiến đóng góp của chuyên gia tâm lý học, các giáo viên và phụ huynh học sinh. Sau đó, bảng câu hỏi khảo sát sơ bộ điều tra 15 học sinh để kiểm tra mức độ khó hiểu của từ ngữ, bố cục của bảng khảo sát và thái độ hợp tác của người được điều tra về vấn đề bạo lực học đường.

Phương pháp thu thập số liệu: Dữ liệu được thu thập trực tiếp từ các học sinh của 8 trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông trên địa bàn TP.HCM thông qua sự đồng ý của Ban Giám hiệu nhà trường của các trường được chọn ngẫu nhiên để thực hiện điều tra. Số các trường được chọn ngẫu nhiên theo tỉ lệ trường công/dân lập và tư thục, trường nội thành/ngoại thành. Bảng khảo sát được gửi đến cho học sinh bằng nhiều phương pháp tùy vào tình hình thực tế của từng trường. Có hai cách thức chủ yếu được sử dụng: chọn ngẫu nhiên mỗi lớp 3-4 học sinh để điều tra hoặc phát phiếu ngẫu nhiên cho học sinh ngay tại cổng trường học.

Mẫu nghiên cứu: Số lượng bảng hỏi được phát ra là 500 phiếu. Số phiếu thu về là 424 phiếu. Sau khi thực hiện nhập và làm sạch dữ liệu, số lượng quan sát dùng để thực hiện nghiên cứu định lượng là 340. Theo Hair và dtg (trích trong [11]), tỉ lệ giữa số quan sát và số biến đo lường tối thiểu là 5: 1. Số biến đo lường trong mô hình nghiên cứu đề xuất là 44, do đó số lượng quan sát là 340 lớn hơn số quan sát tối thiểu ($44 \times 5 = 220$) đã đáp ứng được yêu cầu cho nghiên cứu.

Phương pháp phân tích: nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố nhằm rút gọn các biến quan sát thành một tập hợp các nhân tố đại diện mà không làm mất đi ý nghĩa giải thích của nó. Theo Nunnally & Bernstein (trích trong [11]), nếu biến đo lường có hệ số tương quan biến - tổng ≥ 0.3 thì đạt yêu cầu và nếu Cronbach's $\alpha \geq 0.6$ thì thang đo đó có thể chấp nhận được về mặt độ tin cậy. Sau đó hồi quy đa biến được sử dụng để đánh giá tác động của các nhân tố lên hành vi bạo lực của học sinh. Các phân tích này được thực hiện với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 15.

CÁC KẾT QUẢ PHÂN TÍCH DỮ LIỆU

Thống kê mô tả

Trong tổng số 340 quan sát, có 167 học sinh nữ, chiếm 49.1% và 173 học sinh nam, chiếm 51.9%, trong đó có 5.0% nữ và 10.3% nam thường xuyên sử dụng bạo lực. Có 257 học sinh thuộc trường công lập, chiếm tỉ lệ 75.6%, 83 học sinh thuộc trường dân lập hoặc tư thục, chiếm 24.4%. Khảo sát cũng cho thấy có 80 học sinh thường xuyên chơi game online hoặc xem tivi có yếu tố bạo lực, chiếm 23.5%, trong số đó có 26 học sinh thường xuyên có những hành vi bạo lực, chiếm tỉ lệ 7.6% trong tổng số mẫu điều tra. Khảo sát được tiến hành ở cả hai cấp Trung học cơ sở gồm có lớp 8 chiếm tỉ lệ 26.5%, lớp 9 là 17.0% và Trung học phổ thông gồm có lớp 10, 11, 12 chiếm tỉ lệ lần lượt là 16.8%, 25.0% và 14.7%.

Phân tích nhân tố

Kết quả của việc thực hiện phân tích tương quan và phân tích độ tin cậy cho 44 biến của 9 nhân tố độc lập trong mô hình đề xuất ban đầu

cho thấy có 3 biến bị loại bỏ, còn lại 41 biến được kỳ vọng có tác động đến hành vi bạo lực của học sinh (các biến bị loại bỏ nếu hệ số tương quan biến - tổng nhỏ hơn 0.3 và hệ số Cronbach's Alpha nhỏ hơn 0.6).

Tiếp đó, kết quả phân tích nhân tố 41 biến độc lập cho thấy có 10 nhân tố được rút trích (so với 9 nhân tố trước đây) và giải thích được 56.7% phương sai của các biến quan sát. Kết quả này được trình bày tóm tắt tại Bảng 1, với

phương pháp trích thành phần chính, kỹ thuật xoay Varimax và trọng số nhân tố tối thiểu là 0.4.

Kết quả phân tích độ tin cậy và phân tích nhân tố cho 6 biến của nhóm biến phụ thuộc đã rút trích ra 1 nhân tố đại diện cho Hành vi bạo lực, kết quả này đúng như kỳ vọng ban đầu. Nhân tố này giải thích được 57.5% phương sai của các biến quan sát (Bảng 2).

Bảng 1. Thống kê mô tả và kết quả phân tích nhân tố đối với nhóm biến độc lập

Nhân tố	Ý nghĩa của biến quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trọng số nhân tố
Thái độ đối với bạo lực Eigenvalue = 6.583, Tổng phương sai trích = 16.458%	Bạo lực khi không được tôn trọng	2.2706	.92985	.716
	Trà thù khi bị xúc phạm, sỉ nhục	2.7235	1.05318	.672
	Bạo lực khi bị sỉ nhục	2.5618	1.13109	.660
	Bạo lực khi bị xúc phạm	2.4382	1.03579	.643
	Giải quyết vấn đề bằng bạo lực	1.7176	.83594	.540
	Hèn nhát nếu không đánh người đã xúc phạm	2.3088	1.10586	.505
Chứng kiến bạo lực Eigenvalue = 3.107, Tổng phương sai trích = 7.766%	Thấy ai đó bị người khác đánh do bị lôi cuốn vào một nhóm đánh nhau	2.4294	1.06056	.711
	Thấy ai đó đe dọa người khác bằng vũ khí	1.9353	.95716	.679
	Thấy ai đó bị người khác sỉ nhục	2.3029	1.02447	.675
	Thấy ai đó đang bị cướp hoặc đang bị ăn trộm	2.1559	1.04011	.661
	Thấy người bị chế nhạo/khiêu khích	1.4412	.90854	.585
	Thấy ai đó đe dọa bằng lời nói đối với người khác	2.5765	.99113	.567
Tính nóng nảy Eigenvalue = 2.644, Tổng phương sai trích = 6.61%	Dễ bị kích động	3.1118	1.07225	.825
	Dễ nổi nóng	3.3265	1.07638	.811
	Không kiềm chế được sự giận dữ	3.1265	1.06647	.681
	Chửi rủa khi giận dữ	2.7471	1.20990	.434
Án tượng về trường học Eigenvalue = 1.798, Tổng phương sai trích = 4.495%	An toàn khi ở trường	3.2529	1.00478	.763
	Tự hào về trường	3.6088	.95469	.755
	Hoạt động ngoại khóa bổ ích	3.6235	.98934	.679
	Giáo viên đối xử công bằng	3.1382	1.03408	.573
Mối quan hệ với bạn bè có vấn đề Eigenvalue = 1.774, Tổng phương sai trích = 4.435%	Được bạn bè giúp đỡ đánh nhau với người khác	2.5500	1.11592	.683
	Có bạn là thành viên của băng nhóm	2.3382	.99572	.655
	Có bạn liên quan tới đánh nhau	1.7912	.91879	.568
	Có bạn nghi học vì vi phạm nội quy trường	2.8588	1.15371	.560
	Bạn bè luôn đứng về phía mình	2.2676	.91633	.463
Nạn nhân của bạo lực Eigenvalue = 1.678, Tổng	Bị thương	1.2265	.59882	.769
	Bị hăm dọa bằng lời nói	1.4412	.74037	.760

phương sai trích = 4.196%	Bị hăm dọa lấy tiền	1.2353	.67657	.742
	Bị đánh	1.7206	.83163	.405
Mức độ gần gũi của cha mẹ Eigenvalue = 1.607, Tổng phương sai trích = 4.019%	Cha mẹ hiểu tính cách	3.7265	.88841	.741
	Cha mẹ cùng tham gia các hoạt động hàng ngày	3.0353	1.04130	.665
	Cha mẹ biết bạn bè của con	3.5118	.92324	.663
Sự kém tuân thủ quy định ở trường Eigenvalue = 1.201, Tổng phương sai trích = 3.002%	Quên mang sách vở	2.3118	.95465	.725
	Hiếm khi làm bài tập về nhà	2.4765	1.02593	.713
	Ngủ trong lớp/trốn học, cúp tiết	1.9118	.95527	.696
Khả năng kiểm soát tính bốc đồng Eigenvalue = 1.165, Tổng phương sai trích = 2.913%	Hỏi hặn về những điều đã làm	3.6647	.98929	.641
	Không thay đổi được tính xấu	3.7647	.88777	.610
	Phạm lỗi khi không kiểm chế được cơn tức giận	3.1971	1.13382	.568
Sự giám sát lịch trình của cha mẹ Eigenvalue = 1.110, Tổng phương sai trích = 2.774%	Cha mẹ biết con đang ở đâu	3.0029	1.07670	.795
	Cha mẹ biết lịch trình của con	3.0235	1.07782	.718

Bảng 2. Thống kê mô tả và kết quả phân tích nhân tố đối với nhóm biến phụ thuộc

Nhân tố	Ý nghĩa của biến quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trọng số nhân tố
Hành vi bạo lực Eigenvalue = 3.450, Tổng phương sai trích = 57.502%	Đe dọa/dọa dẫm bằng lời nói đối với học sinh khác	1.5441	.86957	.802
	Dùng các vật dụng nguy hiểm để làm hại học sinh khác	1.5176	.81087	.790
	Đánh học sinh khác để làm họ bị thương/bị đau	1.4147	.73378	.768
	Cố ý quấy rầy/chọc ghẹo/khiêu khích, chế nhạo, hoặc chơi các trò gian trá/lừa phỉnh có hại đến thể chất đối với học sinh khác	1.7000	1.03821	.750
	Cố ý làm hỏng, hư hại tài sản của nhà trường hoặc của học sinh khác	1.2353	.60766	.747
	Chửi rủa/chửi thề hoặc sỉ nhục học sinh khác	1.9706	1.08856	.687

Điều chỉnh mô hình

Kết quả phân tích các nhân tố của biến độc lập rút trích được 10 nhân tố kỳ vọng có tác động đến hành vi bạo lực. Kết quả này khác với kỳ vọng ban đầu chỉ gồm 9 nhân tố. Nhân tố Sự giám sát của cha mẹ kỳ vọng ban đầu sẽ được tách thành 2 nhân tố, được đặt tên là Mức độ gần gũi của cha mẹ và Sự giám sát lịch trình của cha mẹ. Hai nhân tố này được kỳ vọng cùng đồng thời tác động ngược chiều lên hành vi bạo lực, với hai giả thuyết tương ứng ký hiệu là H4a, H4b.

Hồi quy đa biến và kiểm định giả thuyết

Phân tích tương quan cho thấy 2 nhân tố Khả năng kiểm soát tính bốc đồng và Sự giám sát lịch trình của cha mẹ không có tương quan (kể cả với mức ý nghĩa 10%) với biến phụ thuộc, hệ số tương quan rất thấp (tương ứng là -0.061 và -0.041). Do đó có thể loại hai nhân tố này ra khỏi mô hình hồi quy.

Mô hình hồi quy tuyến tính các nhân tố tác động đến Hành vi bạo lực của học sinh gồm có 8 nhóm nhân tố còn lại và các biến kiểm soát gồm có Giới tính, Trình độ giáo dục, Loại

trường, Game online. Các biến Giới tính, Loại trường và Game online được mã hóa theo nguyên tắc biến giả với hai giá trị 1 và 0. Biến Giới tính nhận giá trị 1 nếu là nam, và 0 nếu là nữ; biến Loại trường nhận giá trị 1 nếu là trường tư thục, nhận giá trị 0 nếu là trường công lập; biến Game online nhận giá trị 1 nếu thường xuyên chơi trò chơi trực tuyến hoặc xem ti vi có yếu tố bạo lực và nhận giá trị 0 nếu ngược lại. Biến Trình độ giáo dục được mã hóa theo số lớp mà học sinh đang học, nhận các giá trị từ 8 đến 12.

Kết quả hồi quy được trình bày tóm tắt trong Bảng 3 cho thấy các biến Loại trường, Mức độ gần gũi của cha mẹ không có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Các biến còn lại đều có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Mặc dù nhóm nhân tố Mức độ gần gũi của cha mẹ có ý nghĩa về mặt lý thuyết nhưng không có ý nghĩa về mặt thống kê kể cả với mức ý nghĩa 20% nên có thể bị loại ra khỏi mô hình. Hệ số R² hiệu chỉnh bằng 0.403 nghĩa là mô hình được chọn giải thích được 40.3% biến thiên của biến phụ thuộc Hành vi bạo lực.

Bảng 3. Tóm tắt kết quả hồi quy

Biến độc lập	Mô hình hồi quy	Mô hình được chọn
Constant	0.834**	0.824*
Biến kiểm soát:		
<i>Giới tính</i>	.106**	0.116**
<i>Trình độ giáo dục</i>	-.149***	-0.149***
<i>Game online</i>	.148**	0.152***
<i>Loại trường</i>	.008	
Thái độ đối với bạo lực	.147***	0.143**
Tính nóng nảy	.093**	0.094**
Mức độ gần gũi của cha mẹ	-.054	
Sự kém tuân thủ quy định ở trường	.230***	0.230***
Án tượng về trường học	-.151***	-0.153***
Mối quan hệ với bạn bè có vấn đề	.177***	0.176***
Nạn nhân của bạo lực	.175***	0.172***
Chứng kiến bạo lực	.323***	0.322***
Adjusted R Square	0.403	0.403

Ghi chú: (***) có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, (**) có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. (*) có ý nghĩa thống kê ở mức 10%.

Như vậy, có 7 nhân tố có tác động đến hành vi bạo lực của học sinh theo mức độ tác động từ cao đến thấp bao gồm (1) Chứng kiến bạo lực, (2) Sự kém tuân thủ quy định ở trường, (3) Mối quan hệ với bạn bè có vấn đề, (4) Nạn nhân của bạo lực, (5) Án tượng về trường học,

(6) Thái độ đối với bạo lực, (7) Tính nóng nảy.

Ngoài ra, trình độ giáo dục cũng có ảnh hưởng đến hành vi bạo lực của học sinh và có sự khác biệt mức độ diễn ra hành vi bạo lực giữa học sinh nam và nữ, giữa những học sinh thường

xuyên và không thường xuyên chơi trò chơi trực tuyến hoặc xem ti vi có yếu tố bạo lực.

Các giả thuyết về ảnh hưởng của các nhân tố Khả năng kiểm soát tính bốc đồng, Sự giám sát lịch trình của cha mẹ và Mức độ gần gũi của cha mẹ lên hành vi bạo lực của học sinh (H2, H4a, H4b) không được ủng hộ trong mô hình nghiên cứu này. Loại trường học cũng không tạo ra sự khác biệt về mức độ sử dụng bạo lực của học sinh. Trong tình huống ở Việt Nam, đặc biệt là trên địa bàn TP.HCM, với lịch học 2 buổi/ngày [4] thì hầu như ban ngày học sinh không có mặt ở nhà, vì vậy sự giám sát và mức độ hiểu biết của cha mẹ đối với con cái thường bị hạn chế bởi thời gian học sinh ở trường. Cha mẹ có thể biết con học môn gì khi ở trường vào ban ngày, hiểu biết tính cách của con, biết bạn bè thân của con nhưng các biến quan sát trong mẫu đã không đo lường việc cha mẹ có biết được con tiếp xúc với những ai, làm gì cụ thể vào các giờ giải lao hay vào buổi trưa khi con ở lại trường hay không. Thời gian tiếp xúc với bạn bè, với xã hội càng nhiều thì khả năng xảy ra bạo lực bên ngoài càng cao và cha mẹ khó có thể nhận biết nếu không được nhà trường, bạn bè của con hay chính con mình báo cáo. Hơn nữa, dựa vào thống kê của mẫu, giá trị trung bình của các nhóm nhân tố Sự giám sát lịch trình của cha mẹ và Mức độ gần gũi của cha mẹ lần lượt là 3.4 và 3 trong thang đo 5. Điều này hàm ý rằng dưới góc độ của học sinh thì sự quan tâm của cha mẹ đối với con trong mẫu này chỉ ở mức trung bình. Những lý do nêu trên có thể làm cho các nhân tố Sự giám sát lịch trình của cha mẹ và Mức độ gần gũi của

cha mẹ không có ý nghĩa tác động đến hành vi bạo lực của học sinh. Mặt khác, 2 yếu tố liên quan đến cha mẹ có thể tác động gián tiếp đến hành vi bạo lực của học sinh thông qua các yếu tố khác (Chen [6, tr. 82]), nhưng không được xem xét trong nghiên cứu này (vì nghiên cứu chỉ sử dụng mô hình hồi quy đa biến).

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ GIỚI HẠN CỦA NGHIÊN CỨU

Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã xác định 7 nhân tố chính tác động đến hành vi bạo lực của học sinh theo mức độ tác động từ cao đến thấp là Chứng kiến bạo lực, Sự kém tuân thủ quy định ở trường, Mối quan hệ với bạn bè có vấn đề, Nạn nhân của bạo lực, Ấn tượng về trường học, Thái độ đối với bạo lực, Tính nóng nảy. Ngoài ra, nghiên cứu cũng cho thấy học sinh học lớp càng cao thì có hành vi bạo lực ở mức độ càng thấp, học sinh thường xuyên chơi trò chơi trực tuyến bạo lực cũng có hành vi bạo lực cao với mức độ cao hơn so với học sinh không thường xuyên chơi, học sinh nam bạo lực hơn học sinh nữ (với điều kiện các yếu tố khác như nhau). Kết quả này chỉ giải thích được 40.3% hành vi bạo lực, vì vậy có thể còn những yếu tố khác nữa cũng tác động đến hành vi bạo lực nhưng không được đo lường.

Từ những kết quả có được từ sự phân tích mẫu quan sát, một số kiến nghị được đưa ra với kỳ vọng góp phần ngăn chặn hoặc hạn chế tình trạng bạo lực học đường đang gây bức xúc trong dư luận hiện nay.

Kiến nghị

Để ngăn chặn hoặc hạn chế tình trạng bạo lực học đường, sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là rất cần thiết để các giải pháp đạt được hiệu quả cao nhất.

Đối với gia đình

Mặc dù hai yếu tố liên quan đến cha mẹ không tác động đến hành vi bạo lực trong nghiên cứu này, nhưng điều đó không thể phủ nhận tầm quan trọng của gia đình trong việc kiểm soát các yếu tố khác nhằm ngăn chặn học sinh sử dụng bạo lực.

(i) Cha mẹ cần thường xuyên cập nhật tin tức của con em từ phía nhà trường, chẳng hạn việc trốn học, cúp tiết, quên mang đồ dùng học tập hoặc không làm bài tập về nhà. Hơn nữa, cha mẹ cũng cần tìm hiểu thái độ của con đối với việc học ở trường, việc tự học ở nhà, cảm giác của con về ngôi trường đang học để từ đó kiểm soát những hành vi tiêu cực của con xuất phát từ việc chán học, chán trường lớp.

(ii) Gia đình không nên tạo quá nhiều áp lực cho con trong học tập vì điều này dễ gây ra các bệnh trầm cảm hoặc cũng có thể khiến cho học sinh chống đối và trở nên nóng nảy, hung hăng, ảnh hưởng tiêu cực đến hành vi bạo lực của học sinh.

(iii) Cha mẹ cần có cách hành xử phù hợp trong gia đình và với hàng xóm, hạn chế việc học sinh chứng kiến bạo lực ngay từ trong gia đình mình và những người xung quanh. Điều này có tác động rất lớn đến tâm lý ưa thích bạo lực của trẻ.

(iv) Giáo dục con em mình về tác hại của các phim bạo lực, trò chơi điện tử mang tính chất bạo lực. Giám sát các hoạt động vui chơi như

xem phim, sử dụng máy tính nhằm hạn chế học sinh xem các phim bạo lực, chơi các trò chơi bạo lực trên internet, bởi kết quả nghiên cứu cho thấy học sinh thường xuyên chơi game, xem phim bạo lực sẽ sử dụng bạo lực nhiều hơn bình thường.

Đối với nhà trường

Trường học là nơi học tập và vui chơi của học sinh trong suốt 12 năm học, nơi học sinh được tiếp xúc với rất nhiều bạn bè, thầy cô, do đó môi trường trong trường học có ảnh hưởng lớn đến việc hình thành nhân cách của học sinh. Trong giai đoạn hiện nay, việc học 2 buổi/ngày khiến cho hầu hết thời gian trong ngày của học sinh là ở trường, do đó nhà trường càng có nhiều trách nhiệm hơn trong việc giáo dục học sinh, đặc biệt là những học sinh có những hành vi có vấn đề về bạo lực.

(i) Xây dựng trường học thân thiện, là một nơi an toàn để học sinh học tập và vui chơi.

Nghiên cứu cho thấy rằng ấn tượng không tốt về trường học có tác động tiêu cực làm gia tăng hành vi bạo lực của học sinh. Do đó cần tạo cho học sinh những ấn tượng tốt về trường học, để học sinh thấy rằng đến trường không phải là một áp lực. Trường học có cây xanh, có khuôn viên rộng rãi, sạch đẹp, có sân chơi và nơi để học sinh thực hiện các hoạt động vui chơi, thể thao lành mạnh sẽ giúp học sinh tham gia các hoạt động ở trường với bạn bè nhiều hơn, tránh việc tụ tập bên ngoài nhà trường. Mặt khác, cần có giám thị hoặc những người trực tiếp đôn đốc, giám sát các hoạt động vui chơi của học sinh bên trong khuôn viên trường và xung quanh trường.

(ii) Cùng cố và xây dựng lại các phong trào, các cuộc vận động thật hiệu quả. Tiếp tục tổ chức các hoạt động tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường, tuyên truyền tác hại của các trò chơi điện tử bạo lực đến học sinh.

Hiện nay các trường phổ thông có rất nhiều hoạt động, nhiều chương trình vui chơi giải trí, giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh, tuy nhiên hiệu quả không đạt được như mong đợi. Nghiên cứu cho thấy học sinh không cảm thấy các hoạt động Đoàn của nhà trường là bổ ích, chúng tỏ chưa lôi kéo được những học sinh có vấn đề tham gia.

Để các phong trào, các cuộc vận động được hiệu quả, tạo ấn tượng tốt về trường học đối với học sinh, đặc biệt là đối với những học sinh có vấn đề, cần có nhiều chương trình mang tính chất tập thể mà những học sinh dù không có năng khiếu, hay không học giỏi cũng có thể tham gia. Việc tham gia các hoạt động như vậy và đạt được thành tích nào đó sẽ khích lệ những học sinh có vấn đề có những suy nghĩ tích cực và tham gia vào những hoạt động bổ ích một cách tích cực hơn. Giáo viên đối xử công bằng với tất cả học sinh cũng góp phần tạo nên ấn tượng tốt về trường học, giúp cho những học sinh có vấn đề hòa nhập với bạn bè trong các phong trào của nhà trường.

(iii) Cần linh hoạt trong cách thức xử lý các hành vi vi phạm hoặc các hành vi có vấn đề.

Đối với những học sinh đã cố tình và thường trốn học, cúp tiết hay không làm bài tập về nhà, thì những biện pháp thường được các nhà trường sử dụng như viết kiểm điểm, bị điểm kém, trừ điểm thi đua, mời cha mẹ, hạ bậc hạnh

kiểm có thể không có nhiều tác dụng, bởi vì việc thường xuyên và cố tình vi phạm đã chứng tỏ học sinh không e ngại những hình phạt này có thể đến với mình. Do đó, trước hết giáo viên cần biết được học sinh thường trốn học đã đi đâu và làm gì bên ngoài trường, bởi vì đó là thời gian học sinh tiếp xúc với các đối tượng bên ngoài và làm những việc không được ủng hộ, chẳng hạn như chơi trò chơi điện tử, uống rượu, đánh bạc..., sau đó giáo viên phối hợp với tập thể lớp để có những hình thức xử lý thích hợp.

Để xử lý những học sinh thường xuyên vi phạm nội quy của nhà trường, các biện pháp cảnh cáo toàn trường, hay đuổi học có thể không phải là biện pháp hữu hiệu, mà ngược lại còn cổ súy và tạo môi trường cho các em tham gia vào các hành vi có vấn đề. Những học sinh thường vi phạm nếu bị đẩy ra môi trường bên ngoài thì các em sẽ không có môi trường an toàn để sinh hoạt, sẽ tiếp xúc nhiều hơn với những đối tượng khác bên ngoài nhà trường, có thể chứng kiến hoặc là nạn nhân của bạo lực nhiều hơn, và nguy cơ dẫn đến hành vi bạo lực cao hơn. Một hình thức xử lý học sinh mà nhiều nước trên thế giới đã áp dụng và có tính giáo dục cao hiện nay là phạt lao động công ích. Việc thực hiện hình thức xử lý này cần tham khảo mô hình ở các nước trên thế giới để có những chương trình phù hợp, có sự giám sát chặt chẽ học sinh tránh những hiện tượng tiêu cực có thể xảy ra.

(iv) Bổ sung kiến thức tâm lý học lứa tuổi cho các giáo viên từ các chuyên gia tâm lý lứa tuổi và các chuyên gia giáo dục kỹ năng sống

để có những ứng xử và cách thức giải quyết các vấn đề liên quan đến học sinh một cách thích hợp.

Đối với các cơ quan bên ngoài nhà trường và cộng đồng

Việc học sinh có những hành vi bạo lực không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến bản thân học sinh, gia đình, nhà trường mà còn ảnh hưởng đến những người xung quanh, rộng hơn là chất lượng sống của toàn xã hội. Do vậy, các cơ quan bên ngoài nhà trường và cộng đồng cũng cần phối hợp với gia đình, nhà trường để có những biện pháp ngăn chặn hành vi bạo lực học đường.

(i) Đảm bảo an ninh, an toàn các khu phố để hạn chế học sinh chứng kiến các hành vi bạo lực hoặc là nạn nhân của bạo lực trong vùng.

(ii) Phối hợp với các trường cùng thực hiện biện pháp phạt lao động công ích bằng cách giới thiệu, quản lý các nơi học sinh đến thực hiện nghĩa vụ lao động.

(iii) Phối hợp với các cơ quan giáo dục xây dựng và thực hiện các chương trình hành động nhằm giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng kiềm chế sự hung hăng, nóng giận của học sinh khi gặp phải vấn đề.

(iv) Tuyên truyền tác hại của trò chơi điện tử có tính bạo lực nhằm nâng cao trách nhiệm của gia đình và xã hội. Quản lý thật chặt chẽ và hiệu quả hoạt động của các tiệm internet nhằm hạn chế học sinh tiếp xúc và chơi các trò chơi điện tử có tính bạo lực cao.

Để làm được điều này cần có sự vào cuộc của các cơ quan nhà nước có liên quan từ cấp địa phương đến trung ương nhằm thiết lập

những quy định chung liên quan đến hoạt động internet và thanh tra, kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định này một cách hiệu quả. Các nước trên thế giới đã có nhiều biện pháp quản lý các tiệm internet hoặc hạn chế người dùng nhỏ tuổi chơi trò chơi trực tuyến như: người dùng phải đăng ký chứng minh nhân dân khi truy cập internet; phân loại và dán nhãn các loại game cho phù hợp lứa tuổi người chơi; hạn chế hoạt động của các tiệm internet từ 24 giờ đến 6 giờ sáng; sử dụng phương tiện kỹ thuật để quản lý máy tính của các tiệm internet nhằm phát hiện người dùng là trẻ dưới 18 tuổi truy cập vào những trang web xấu, trang trò chơi không phù hợp với lứa tuổi... Gần đây, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đề ra dự thảo nghị định mới thay thế nghị định số 97/2008/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin điện tử trên internet với nhiều điều khoản mới và nghiêm ngặt hơn. Điều này cho thấy các cơ quan chức năng đã nhận ra tác hại của trò chơi điện tử đến hành vi của giới trẻ, đặc biệt là học sinh.

Đóng góp và hạn chế của nghiên cứu

Đóng góp

Nghiên cứu đã đưa ra bằng chứng thực nghiệm chứ không phải chỉ dựa trên nghiên cứu lý thuyết tâm lý học hành vi thông thường để xác định các yếu tố tác động đến hành vi bạo lực của học sinh. Hầu hết các nghiên cứu tác giả biết được ở Việt Nam hiện nay chủ yếu là các cuộc khảo sát nội bộ của các trường, khảo sát mang tính định tính, thống kê mô tả về hiện tượng bạo lực trong học sinh và thậm chí

chỉ là những sự việc diễn hình chứ không phản ánh được mức độ chung về bạo lực học đường.

Nghiên cứu này đã đánh giá được mức độ tác động của từng nhóm nhân tố lên hành vi bạo lực. Việc chứng kiến bạo lực, nạn nhân của bạo lực và sự kém tuân thủ quy định ở trường của học sinh là một trong những yếu tố tác động lớn nhất đến hành vi bạo lực của học sinh. Sự đánh giá này giúp cho các nhà hoạch định chính sách có những biện pháp ưu tiên để hạn chế tình trạng bạo lực học đường hiện nay.

Hạn chế

Hạn chế của nghiên cứu là chỉ tiến hành khảo sát trên địa bàn TP.HCM, là một trong những thành phố có mức sống cao trong cả nước, có thể không phải là mẫu thực sự đại diện cho học sinh ở các tỉnh thành khác. Thêm nữa, đây là đề tài có tính chất tâm lý học hành vi, do đó cần có thêm những câu hỏi khảo sát mang tính định tính về các loại hình bạo lực học đường đang

hiện diện trong học sinh hiện nay, vì sao học sinh lại có hành vi bạo lực chứ không chỉ có phân tích định lượng. Cuối cùng, nghiên cứu đã không xét đến mối quan hệ đan xen phức tạp, tác động lẫn nhau giữa các yếu tố đặc điểm cá nhân, gia đình, nhà trường và xã hội với hành vi bạo lực của học sinh.

Đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo

Từ những hạn chế của đề tài, hướng nghiên cứu tiếp theo kế thừa mẫu quan sát của nghiên cứu này là tiếp tục đánh giá mức độ tác động qua lại giữa các nhóm yếu tố với nhau, và tác động lên hành vi bạo lực của học sinh như thế nào thông qua phân tích mô hình cấu trúc (SEM). Rộng hơn nữa, các nghiên cứu sau này có thể có các cuộc khảo sát rộng rãi hơn, có nhiều kết quả định tính hơn nữa để trả lời cho những câu hỏi liên quan đến hình thức và mức độ nghiêm trọng, cũng như lý do hành vi bạo lực trong học đường diễn ra.

FACTORS AFFECTING STUDENTS' VIOLENT BEHAVIORS

Nguyen Thi Phuong Thao⁽¹⁾, Cao Hao Thi⁽²⁾

(1) Ba Ria – Vung Tau University

(2) University of Technology, VNU-HCM

ABSTRACT: *School violence is one of the problems which are pressing the public opinion. Nowadays, educational managers are still trying to find effective solutions to improve this situation. The aim of the research was to identify and assess key factors which affect students' violent behaviors. The study used primary data from a survey of 340 students in grades 8 through 12 in 8 schools in Ho Chi Minh City. The results of factor analysis and multiple regression indicated that there were 7 factors associated with students' violent behaviors which consisted of witnessing violence, low school engagement, involvements in risky peers, victim of violence, impression on school, attitude towards*

violence and trait anger temperament. There were some other factors that also related to students' violent behaviors such as gender, educational levels and frequency of playing violent video game. From these findings, some recommendations were designed to help families, schools and educational institutions prevent students from behaving violently.

Keywords: factor, students' violent behaviors, Vietnam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Mai Thị Tuyết, Những vấn đề nan giải của vị thành niên trong nhà trường, *Tạp chí Dân số và Phát triển*, số 3, (2011)
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Công văn số 7291/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn học 2 buổi/ngày đối với các trường trung học* (2010).
- [3] Nguyễn Đình Thọ, *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nhà xuất bản Lao động Xã hội (2011).
- [4] M. Alikasifoglu, E. Erginoz, O. Ercan, O. Uysal, D. A. Kaymak, O. Ilter, Violent Behavior Among Turkish High School Students and Correlates of Physical Fighting, *European Journal of Public Health*, 14 (2): 173-177 (2004).
- [5] C. A. Anderson, An Update on the Effects of Playing Violent Video Games, *Journal of Adolescence*, 27 (2004): 113-122 (2003).
- [6] M. Ando, T. Asakura, B. Simons-Morton, Psychosocial Influences on Physical, Verbal, and Indirect Bullying Among Japanese Early Adolescents, *The Journal of Early Adolescence*, 25 (3): 268-297 (2005).
- [7] Centers for Disease Control and Prevention, Truy cập ngày 27/2/2012 tại địa chỉ <http://www.cdc.gov/violenceprevention/youthviolence/schoolviolence/>.
- [8] J. K. Chen, *School Social Dynamics as Mediators of Students' Personal Traits and Family Factors on the Perpetration of School Violence on Taiwan*, Thesis Ph.D (2008).
- [9] D. J. Flannery, K. L. Wester, M. I. Singer, Impact of Exposure to Violence in School on Child and Adolescent Mental Health and Behavior, *Journal of Community Psychology*, 32: 559-573 (2004).
- [10] G. R. Gudlaugsdottir, R. Vilhjalmsón, G. Kristjansdóttir, R. Jacobsen, D. Meyrowitsch, Violent behavior among adolescents in Iceland: a national survey, *International Journal of Epidemiology*, 33 (5): 1046-1051 (2004).
- [11] T. R. Nansel, M. Overpeck, R. S. Pilla, W. J. Ruan, B. Simons-Mortons, P. Scheidt, Bullying Behaviors among

- US youth: prevalence and association with psychosocial adjustment, *Journal of the American Medical Association*, 285: 2094-2100 (2001).
- [12] P. Orpinas, N. Murray, S. Kelder, Parental Influences on Students' Aggressive Behaviors and Weapon Carrying, *Health Education & Behavior*, 26 (6): 774-787 (1999).
- [13] M. I. Singer, F. Kaya, H. Bilgin, Contributing Factors to Aggressive Behaviors in High School Students in Turkey. *The Journal of School Nursing*, 28 (1): 56-69 (2011).
- [14] M. I. Singer, D. B. Miller, S. Guo, D. J. Flannery, T. Frierson, K. Slovak, Contributors to Violent Behavior Among Elementary and Middle School Children, *Pediatrics*, 104 (94): 878-884 (1999).